

BIỂU TƯỢNG HOA TRONG DÂN CA TRỮ TÌNH SINH HOẠT TÀY, THÁI

HÀ XUÂN HƯƠNG *

Tóm tắt: Là di sản văn hóa tinh thần của hai tộc người vốn có nhiều đặc điểm gần gũi với nhau, dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái cũng chứa đựng nhiều nét tương đồng. Xét về mặt thi pháp lời thơ nghệ thuật, một trong những đặc điểm giống nhau đó là việc sử dụng biểu tượng hoa với các hướng nghĩa tương tự nhau. Sự tương đồng về việc sử dụng biểu tượng hoa như vậy có nguyên nhân từ văn hóa, quy luật tâm lý chung của con người và trình độ phát triển của hai tộc người Tày, Thái.

Từ khóa: Biểu tượng, hoa, dân ca trữ tình sinh hoạt, người Tày, người Thái.

Abstract: As the cultural and spiritual heritage of two ethnic groups that have many close characteristics, the daily lyrical folk songs of the Tay and Thai people also contain many similarities. In terms of prosody of artistic poetry, one of the similar characteristics is the use of flower symbols with similar meanings. The similarity in the use of flower symbols is due to the culture, general psychological laws of people and the development level of the Tay and Thai ethnic groups.

Keywords: Symbol, flower, daily lyrical folk songs, Tay people, Thai people.

1. Đặt vấn đề

Trong các thành tố của văn hóa dân gian,

văn học dân gian giữ vị trí đáng kể và có nhiều ưu thế trong việc phản ánh tư duy, tình cảm của dân tộc. Những đặc điểm của đời sống con người như phong tục, tín ngưỡng, lễ hội,... đã để lại dấu ấn rõ nét và tạo nên chiều sâu, giá trị cho văn học dân. Vì thế, nghiên cứu văn học dân gian là cần thiết và quan trọng đối với việc làm phát lộ bản sắc văn hóa của mỗi tộc người, nhất là trong bối cảnh giao lưu thời toàn cầu hóa hiện nay.

Ở Việt Nam, Tày và Thái là hai dân tộc có nhiều điểm tương đồng về sử văn hóa, địa văn hóa. Đây là hai dân tộc có chung nguồn gốc, ngữ hệ, có lịch sử cư trú lâu đời ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta. Trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, người Tày đã xác lập được ảnh hưởng của mình ở Đông Bắc, người Thái xác lập ảnh hưởng ở Tây Bắc. Các đặc điểm cư trú, sinh kế,... đều cho thấy họ thuộc dạng sinh thái văn hóa thung lũng. Sự gần gũi nhau về nhiều mặt như thế là nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm tương đồng trong dân ca trữ tình sinh hoạt của họ. Xét về mặt thi pháp lời thơ nghệ thuật của dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, một trong những đặc điểm giống

* TS - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên; Email: Huonghx@tnus.edu.vn

nhau đó là việc sử dụng biểu tượng hoa.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, trong khi sáng tạo dân ca trữ tình sinh hoạt, người Tày, Thái đều dành cho biểu tượng hoa vị trí xứng đáng với mức độ sử dụng nhiều và các hướng nghĩa phong phú.

2. Khảo sát biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái

2.1. Tư liệu khảo sát thống kê

Chúng tôi sử dụng vai trò đại diện của tài liệu văn học dân gian trong công việc nghiên cứu. Lý do của việc này nằm ở tính lặp lại của văn học dân gian nói chung, dân ca nói riêng. Nếu như ở văn học viết, nhà nghiên cứu cần đọc hết các tác phẩm của một tác giả nào đó thì mới có thể đưa ra những nhận định, đánh giá khoa học về tác giả đó. Nhưng, ở văn học dân gian, nhà nghiên cứu chỉ cần biết một số lượng tác phẩm vừa đủ, có tính chất đại diện. Văn học dân gian là mảnh đất của những yếu tố lặp đi lặp lại, của những điểm chung mang tính cộng đồng, thời đại. Riêng ở dân ca, tính lặp lại của các yếu tố trong dân ca là rất cao và phổ biến. Chỉ bằng quan sát, bạn đọc cũng dễ dàng nhận ra những sự giống nhau giữa các văn bản dân ca. Do vậy, quan điểm của chúng tôi là chỉ cần khảo sát giới hạn ở một số lượng tác phẩm mà ngoài số lượng đó chúng ta không phát hiện thêm điều gì mới. Chúng tôi học tập việc làm của tác giả V. IA. Propp trong công trình *Hình thái học truyện cổ tích* [13].

Khi thống kê, chúng tôi sử dụng các tư liệu dân ca dẫn từ các tài liệu đã được xuất bản và dưới hình thức song ngữ Tày - Kinh đối với dân ca trữ tình sinh hoạt Tày và Thái - Kinh đối với dân ca trữ tình sinh hoạt Thái. Những tiêu chí như vậy sẽ đem đến tính tin cậy cho tài liệu được lựa chọn để khảo sát, nghiên cứu của chúng tôi.

Cụ thể, đối với dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, trong rất nhiều mảng, chúng tôi lựa chọn các loại như: *iếu, lượn sluong, lượn cọi, phong slur, rọi*. Ở từng mảng, chúng tôi chỉ lựa chọn những bản tiêu biểu, có chất lượng để khảo sát. Chúng tôi lựa chọn dẫn 500 bài dân ca với 4.216 câu, được công bố trong các công trình: *Phong slur* [1], *Iếu - dân ca dân tộc Tày* [2], *Rọi (Vốn cổ văn học dân tộc Tày Nùng)* [4], *Lượn Tày: Lượn Tày Lạng Sơn, lượn sluong* [5], *Lượn cọi* [6], *Lượn rọi - hát đối đáp của người Tày* [8].

Đối với dân ca trữ tình sinh hoạt Thái, chúng tôi dẫn 286 bài dân ca trữ tình sinh hoạt Thái với 6.068 câu, được công bố trong các công trình: *Truyện cổ và dân ca Thái vùng Tây Bắc Việt Nam* [3], *Dân ca Thái Lai Châu, Quyển 2 - Thơ và dân ca tình yêu của người Thái Mường So* [7], *Dân ca Thái Lai Châu, Quyển 1 - Chiêng xoong mố bók (mùa xuân mùa hoa)* [9].

2.2. Bảng thống kê

Trong dân ca trữ tình sinh hoạt của người Tày và người Thái, biểu tượng hoa được sử dụng với mức độ dày đặc, cao nhất trong số các biểu tượng được sử dụng: 387 lần/4.216 câu của 500 bài dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, 426 lần/6.068 câu của 286 bài dân ca trữ tình sinh hoạt Thái. Ở từng hướng nghĩa biểu hiện, số lần xuất hiện của biểu tượng hoa được thể hiện ở Bảng 1.

2.3. Nhận xét

Từ các kết quả thống kê như trên, chúng tôi nhận thấy, trong dân ca trữ tình sinh hoạt của người Tày và người Thái, biểu tượng hoa được sử dụng với mức độ dày đặc, cao nhất trong số các biểu tượng được sử dụng: 387 lần/4.216 câu của 500 bài dân ca trữ tình sinh hoạt, 426 lần/6.068 câu của 286 bài dân ca trữ tình sinh hoạt Thái. Điều đó cho thấy cả hai tộc người đều dành nhiều tình cảm cho

Bảng 1. Sự xuất hiện của biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái

Các hướng nghĩa	Số lần xuất hiện		Tần suất (%)	
	Tày	Thái	Tày	Thái
<i>Vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ</i>	109	152	28,2	35,7
<i>Tình yêu</i>	75	93	19,4	21,8
<i>Đạo đức, nhân cách của con người</i>	36	31	9,3	7,3
<i>Thân phận con người</i>	41	56	10,6	13,1
<i>Thời gian</i>	64	77	16,5	18,1
<i>Việc sinh ra con người</i>	62	17	16,0	4,0
Tổng	387	426	100	100

hoa. Họ đã chọn hoa - một đối tượng mang tính cao đẹp, thanh tú để tẩy rửa, thanh lọc tâm hồn của mình, thôi thúc họ sống một cuộc sống trong sạch, đẹp đẽ và cao thượng.

Trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, biểu tượng hoa mang các hướng nghĩa sau đây: thứ nhất, hoa biểu trưng cho vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ; thứ hai, hoa biểu trưng cho tình yêu; thứ ba, hoa biểu trưng cho đạo đức, nhân cách của con người; thứ tư, hoa biểu trưng cho thân phận con người; thứ năm, hoa biểu trưng cho thời gian; thứ sáu, hoa biểu trưng cho người mẹ.

Trong số các hướng nghĩa của biểu tượng hoa như trên, hướng nghĩa hoa biểu trưng cho vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ và hoa biểu trưng cho tình yêu có tần suất xuất hiện cao nhất, hướng nghĩa hoa biểu trưng cho đạo đức, nhân cách của con người có tần suất xuất hiện thấp nhất.

3. Giải mã một số hướng nghĩa cơ bản của biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái

3.1. Hoa - biểu tượng về vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ

Những đóa hoa là hiện thân cho vẻ đẹp trên cuộc đời này. Có lẽ vì thế, những gì đẹp

thường được so sánh với hoa. Ở hướng nghĩa thứ nhất, hoa được coi là chuẩn mực dùng để so sánh với vẻ đẹp bề ngoài của người phụ nữ. Nếu như hoa là vẻ đẹp cao nhất của tự nhiên thì người phụ nữ là vẻ đẹp cao nhất của thế giới loài người. Phụ nữ được coi là phải đẹp. So sánh người phụ nữ với hoa, điều này là rất phù hợp. Hoa và người phụ nữ có sự tương đồng ở vẻ đẹp tươi tắn, rực rỡ, quyến rũ, đáng yêu kiều, mềm mại, thướt tha.

Vẻ đẹp của người phụ nữ tỏa sáng nhất trong giai đoạn tuổi trẻ, khi đang độ xuân thì. Đó là vẻ đẹp của sự trẻ trung, của sức sống tuổi thanh xuân. Nhan sắc, hương thơm của họ được ví với hoa. Dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái thường ví người phụ nữ với những bông hoa rừng quen thuộc, mộc mạc mà không kém phần rực rỡ. Cô gái chưa đến tuổi lấy chồng được ví như hoa ban vừa hé, hoa sung vừa nhú nụ. Cô gái độ tuổi yêu đương đẹp rực rỡ như hoa ban, hoa sen, hoa bưởi, hoa vông đang bung nở. Vẻ đẹp của con người và thiên nhiên sánh đôi cùng nhau:

- *Ý thương lả bók mạy nà pay hóm phá dợn xớ cang tạng/... Ý thương lả bók mạy au nhình pái phá thả chại tô đều/... Mẹ ái tô đi pan bók khá Mọng Theng và mớ (Nếu thương đóa hoa rừng thì đừng đắp chăn ngủ đệm ngang đường/... Nhớ đóa hoa rừng thì hãy lấy người chung thủy trái chăn chờ anh/... Có phải vợ anh đẹp như hoa riêng ở Mường Thanh)* [7, tr. 351, 567].

- *Cốc bjoóc chính hảo địa slinh mì/ Cáng bjoóc chữ tương chi slinh óoc/ Nậu bjoóc là noọng nguộc thanh tân/ Sỉắc bjoóc mền Kinh Châm chay cáng (Gốc hoa nhờ đất tốt sinh ra/ Cánh hoa chữ tương chi mà có/ Đóa hoa là em đẹp xinh tươi/ Sắc hoa nhờ em xuân cây lại)* [6, tr. 155, 468].

Có khi, người phụ nữ tự ví mình như bông hoa xấu, nhận mình không đủ đẹp khiến chàng trai mê đắm và hát cùng, nhưng thực chất điều này là do chịu ảnh hưởng của lối nói khiêm nhường và lối nói đưa đẩy của các chàng hát giao duyên thâm trầm hơi thỏ của núi rừng và phong cách dân tộc:

- *Bók đông hai dân bớ xơng/ Va đông lôông dân bớ đết (Bông hoa xấu e chẳng thể quyến rũ/ Đóa hoa thô ai thêm ngất cảm tay)* [7, tr.332, 547].

Người con gái đã đẹp càng trở nên đẹp hơn bao giờ hết trong mắt chàng trai đang yêu. Tình yêu lãng mạn và bay bổng đã chấp cánh cho đôi mắt tình si của chàng trai nhìn ra vẻ đẹp e ấp mà đầy sức sống của cô gái:

Ún hươn căn á... noọng pánh ái nhắng khính khao xau tường bók táo đang phung ná với noọng lá ái ới... (Em thương của anh da trắng hồng tựa hoa đào đang nở) [9, tr.233, 362].

Có thể nói, những đóa hoa rừng chính là biểu tượng tuyệt đẹp cho chân dung, dáng vẻ của những người phụ nữ Tày, Thái. Biểu tượng hoa với hướng nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ tuy không mới nhưng vẫn mang được nét riêng của đời sống dân tộc. Bởi, những loài hoa thơm ngát, dung dị, dịu dàng như hoa mại, hoa bưởi, hoa cái nhương, hoa chip, hoa chàm,... hay rực rỡ, nồng cháy như hoa gạo, hoa vông vang,... đều là những loài hoa mọc nhiều ở khu vực chân núi thấp của khu vực miền núi phía Bắc, gần với không gian sống của người Tày, Thái - các bản làng dọc các chân núi thấp, nơi có các thung lũng, cánh đồng màu mỡ. Sự xuất hiện của các loài hoa này trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái với tính chất là những biểu tượng chính là minh chứng cho nét đặc sắc về địa hình, không gian sinh sống, lao động sản xuất

mang đậm dấu ấn sinh kế sản xuất nông nghiệp vùng trung du miền núi của đồng bào Tày, Thái.

3.2. Hoa - biểu tượng của tình yêu

Dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái là tiếng hát trữ tình, phản ánh tâm tư, tình cảm của đồng bào Tày, Thái. Đó là một thể giới tình cảm phong phú xoay quanh các mối quan hệ, song nhìn chung có thể xem xét dựa trên hai chủ đề lớn là: chủ đề tình yêu đôi lứa và chủ đề đời sống gia đình. Trong đó, dân ca thuộc chủ đề về tình yêu đôi lứa là bộ phận phong phú và tiêu biểu nhất trong toàn bộ kho tàng dân ca của dân tộc. Điều này xuất phát từ đặc điểm của loại hình: dân ca thuộc loại hình trữ tình dân gian, có chức năng phản ánh thế giới tình cảm của con người. Mà, những tình cảm phong phú nhất, quen thuộc nhất đối với con người chính là thuộc về đời sống riêng tư, hạnh phúc cá nhân của con người, tức có mối liên quan nhiều nhất với tình yêu lứa đôi. Minh chứng dễ nhận thấy nhất về sự phong phú của bộ phận dân ca này thể hiện ở số lượng bài hát. Ở cả dân ca trữ tình sinh hoạt của người Tày và người Thái, phần lớn các bài hát đều nói đến tình yêu. Các cung bậc cảm xúc trong tình yêu được thể hiện sinh động, đa dạng bằng nhiều phương tiện nghệ thuật khác nhau mà biểu tượng hoa là một trong số đó. Với ý nghĩa biểu trưng cho tình yêu, biểu tượng hoa vừa thể hiện một cách hữu hiệu các cung bậc cảm xúc trong tình yêu, vừa mang đậm màu sắc văn hóa của hai dân tộc Tày, Thái.

Hoa có khi là sợi dây tơ hồng nối kết nhân duyên đôi lứa. Người Tày, Thái khi muốn kết duyên cùng bạn tình đều rủ chơi hoa: chàng trai Thái rủ cô gái chơi hoa phớn bên sông Đà, chơi hoa sung trên sân tình kéo hết tuổi xuân, cô gái Tày rủ chàng trai chơi hoa trên

đôi tháng giêng, tháng hai để xin kết duyên cùng chàng trai,... Hoa có khi lại được coi là mức độ sâu đậm của tình yêu. Sự trong sáng hay thắm thiết, hoặc nhạt nhẽo, vô vị của tình yêu đều được ví với hương sắc của các loài hoa:

- *Nhịnh chỉ tsặt khẩu dờ bớ chắc nẫu **bók đớ dẫu hom/ Kíng dẫu hom** mệng tom dai dẳng (Em muốn lại gần hoa nhưng chẳng biết bông nào thơm/ Nhánh hoa thơm đã có con bướm đậu)* [7, tr.354, 570].

- *Thân noọng tổng **bioóc mặn, bioóc phung/ Sương căn oại căn sương khấn khấn** (Em như hoa mận, hoa mơ/ Thương nhau không phải vật vờ bướm bay)* [8, tr.656, 237].

Tình yêu phải đến từ hai phía. Vì vậy, lứa đôi Tày, Thái luôn mong muốn yêu và được yêu. Khát vọng được yêu thương, đáp trả tình cảm gái trai được nói hộ thông qua biểu tượng hoa:

- *Há ỏi... noọng pánh cọ nhá tả **xê tũn bók héo** thiên pì vạy cang táng xãng nớ noọng hặc ái ỏi.../ Ứn hươn căn á... noọng pánh cọ nhá tả **xê tũn ba lương** thiên pì vạy cang khải lé nớ noọng hặc ái á.../ Ới pánh căn á... thiên noọng lá hặc lẹo còi pánh lé nớ noọng hặc ái ỏi... (Em thương của anh đừng bỏ mặc hoa tàn héo giữa đường/ Đừng bỏ mặc đóa hoa vàng tàn lụi giữa nửa chừng em nhé/ Đã yêu rồi hãy thương thêm cho thật đậm đà)* [9, tr.215, 347].

- *Khuyên mừa hội nả mặc hại chơi/ Xiên vạn **bjoóc** dá lời tả **nhị** (Xin người đẹp khác chốn hãy chơi/ Nghìn vạn hoa chớ rời bỏ nhị)* [6, tr.158, 471].

Tác giả dân gian Tày, Thái đã nhìn thấy sự hòa hợp, quán quýt của những bông hoa nơi rừng sâu để rồi thông qua biểu tượng hoa để hướng tới ý nghĩa biểu hiện cho ước mong hòa hợp, đồng điệu trong tình yêu:

***Bjoóc** mạy son lâm phung lộn lôm/ **Bjoóc** mạy son lâm phung lộn nhị/ Một mềng xiên lí tím tri âm (Hoa nở rừng xanh trước gió xuân/ Hoa nở rừng sâu lẫn cành lá/ Ong bướm nghìn dặm kiếm tri âm)* [5, tr.319, 441].

Cũng biểu tượng hoa, có khi tác giả dân gian Tày, Thái lại dùng để biểu thị những xót xa, buồn tủi cho sự cô đơn trong tình yêu: ***Bjoóc** lờ mềng bầu hội là thôi/ Lợi lợi như tôi thú thiếu kha (Hoa tàn ong không hội thì thôi/ Vô vô như đũa đôi thiếu chiếc)* [6, tr.159, 472].

Như thế, ở hướng nghĩa biểu trưng cho tình yêu, biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái lại mang nhiều sắc thái phong phú tương ứng với các cung bậc cảm xúc, những ước mong, những tâm sự trong tình yêu của lứa đôi trai gái Tày, Thái.

3.3. Hoa - biểu trưng cho đạo đức, nhân cách của con người

Mỗi loài hoa có vẻ đẹp bề ngoài, hương thơm và đặc tính khác nhau. Người Tày, Thái đã dựa vào những điểm khác biệt của mỗi loài hoa để sáng tạo nên biểu tượng hoa với hướng nghĩa cho rằng hoa chính là tiêu chuẩn của đạo đức, của phẩm chất con người.

Người Thái coi hoa mạ, hoa cái nương - những loài hoa dân dã, mang vẻ đẹp dịu dàng, tinh tế là hoa của sự chín chắn, trưởng thành, sự đậm thắm của người phụ nữ đã có chồng: *Ới pánh căn á... hák và xao mí phỏ lẹo ai hom **bók mạ** nả noọng á.../ Ới pánh căn ỏi... hák và xao mí mả lẹo hom **bók cái nương** dá noọng lá ái ỏi... (Nhưng, gái có chồng rồi mùi thơm hoa mạ em à/ Gái có chồng rồi mùi thơm hoa cái nương em ơi)* [9, tr.229, 359].

Người Tày lại coi hoa ngọc quế - loài hoa mọc nơi rừng sâu, mang vẻ đẹp khác lạ với các loài hoa rừng khác là sự thay lòng trong tình yêu. Chàng trai đã cất lời *lượn slương*

ướm hỏi cô gái về việc cô đã có hoa ngọc quế, đã thay đổi tình cảm hay chưa:

Cầu chắc đông lòng mì ngọc quế/ Mì va ngọc quế chẳng nhàn thân (Ai biết rừng xanh có quế ngọc/ Có hoa ngọc quế được nhàn thân) [5, tr.344, 467].

Hoa sói - loài hoa với hương thơm nhẹ nhàng và màu trắng giản dị, thanh tao và thuần khiết nơi núi rừng lại được người Tày coi là biểu tượng không chỉ cho vẻ đẹp ngoại hình mà còn là biểu trưng cho tấm lòng son sắt của người con gái:

Va xoi cần duyên chẵn đây sắc/ Ước rừ au đây pjúc chang sluôn (Hoa sói người duyên lòng son sắt/ Ước sao lấy được trồng vườn tôi) [5, tr.340, 463].

Hoặc, hoa phặc phiền mọc nơi núi cao lại được người Tày coi là hoa của lý tưởng, tượng trưng cho vẻ cao quý của muôn hoa, cho tình yêu trẻ mãi không già và hạnh phúc muôn đời bất diệt,...

Như thế, hương sắc mỗi loài hoa đã trở thành đại diện cho vẻ đẹp tâm hồn, tính cách của người Tày, Thái. Tác giả dân gian Tày, Thái có sử dụng biểu tượng hoa là một số loài hoa quen thuộc như hoa sen, hoa bưởi, hoa hồng,... nhưng với tần suất thấp, chủ yếu sử dụng các loài hoa có sự gắn bó với đời sống thường ngày của đồng bào Tày, Thái nơi núi rừng phía Bắc như hoa phặc phiền, hoa mại, hoa cái nương, hoa mận, hoa mơ,... Điều đó nói lên rằng đời sống văn hóa của hai dân tộc đã được phản ánh sinh động thông qua biểu tượng hoa.

3.4. Hoa - biểu trưng cho thân phận con người

Hoa còn được đồng bào Tày, Thái sử dụng trong dân ca trữ tình sinh hoạt để biểu trưng cho thân phận, địa vị con người. Một mặt, xã hội Tày, Thái xưa coi trọng chuyện

hôn nhân cùng đẳng cấp. Lứa đôi muốn lấy được nhau phải được sự thuận mắt, thuận tình của cha mẹ hai bên. Sự ưng thuận ấy chủ yếu dựa trên quan niệm môn đăng hộ đối giống như người Kinh. Bởi thế, trót thâm thương trộm nhớ, hay trót yêu nhau rồi, các chàng trai cô gái đều rất đau khổ vì sự khác biệt, chênh lệch địa vị của mình. Mặt khác, đồng bào Tày, Thái luôn theo truyền thống lịch sử trong những cuộc ca hát. Điều đó thể hiện ở việc dù là dạng thức diễn xướng tự do hay diễn xướng có tổ chức (hát cuộc, hát theo sách, có slảy cá) thì ở chặng đầu tiên của cuộc hát, họ đều lựa chọn (hát chào mời). Trong chặng này, đôi bên thường nhún nhường, khiêm tốn tự hạ mình xuống và nâng đối phương lên. Có hai sự lựa chọn nội dung cho lối nói khiêm nhường này là tự nhận mình xấu về ngoại hình và tự nhận mình nghèo hèn, thân phận thấp kém. Nói về địa vị thấp kém, nghèo hèn của mình, họ thường sử dụng các loài hoa mọc nơi dân dã như hoa phặc phiền, hoa mẩu đơn, hoa cải, hoa chàm, hoa chuối. Nói về thân phận cao quý, thuộc tầng lớp trên, họ dùng hoa kim quý, hoa sen, hoa đào:

- *Thân pỉ như phặc phiền nả đản/ Thân noọng như nhả hán chang nà (Thân anh như phặc phiền vách đá/ Thân em như cỏ bò trong ruộng)* [4, tr.28, 78].

- *Thân noọng như mại đơn gần rị/ Thân ví như kim quý chang suôn (Em nơi bờ dậu mẩu đơn/ Anh như kim quý trong vườn đất tiên)* [8, tr.568, 240].

Việc gán cho hoa ý nghĩa biểu trưng cho thân phận, địa vị của con người trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái là xuất phát từ tập tính mọc và phát triển của một số loài hoa: mọc nơi bờ dậu, bờ ao, mọc hoang trên đồi, trong rừng, mọc trong vườn nhà,... Bên cạnh đó, tác giả dân gian Tày, Thái còn căn

cứ vào thái độ trân trọng, yêu quý của con người đối với các loài hoa để gán cho chúng ý nghĩa cao quý hay không và từ đó ví với thân phận con người.

3.5. Hoa - biểu trưng cho thời gian

Trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, hoa mang ý nghĩa biểu trưng cho thời gian với tần số xuất hiện trong dân ca trữ tình sinh hoạt của người Tày là 16,5%, của người Thái là 18,1%. Thời gian được nhắc đến có thể là thời gian của thiên nhiên, đất trời, cũng có thể là thời gian tuổi trẻ trong chu trình một đời người.

Hoa tàn, hoa nở theo mùa. Mỗi mùa có loại hoa đặc trưng. Đặc điểm này là nguyên nhân dẫn tới việc người Tày, Thái dùng loài hoa đặc trưng của mỗi mùa để biểu thị cho chính mùa ấy. Chẳng hạn, để nói về mùa đông, dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái thường nhắc đến hoa lá, hoa màng tang,...; mùa xuân thì hoa ngọc lan, hoa đào hồng, hoa táo trắng, hoa mộc miên,...; mùa hè thì hoa sấu, hoa nhài, hoa sói, hoa lôm,...; mùa thu thì hoa thảo quả,... Dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, đặc biệt là dân ca trữ tình sinh hoạt Tày ít nhắc đến mùa và tiết trời, thường dùng các loại hoa đặc trưng cho mỗi mùa để nói về chính mùa đó. Điều này là phù hợp với tính chất trữ tình của các bài hát đối đáp, giao duyên của hai dân tộc, phổ biến hơn ở dân ca Tày do người Tày chuộng lối nói bóng gió, văn hoa, ước lệ - một đặc điểm thể hiện sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa của người Kinh.

Xuất phát từ chu trình tàn nở của một bông hoa và vẻ đẹp, hương sắc của bông hoa ấy trong chu trình của mình, người Tày đã trao cho hoa hướng nghĩa biểu trưng cho tuổi trẻ trong vòng đời của con người. Theo đó, thời hoa nở được hiểu là thời thanh xuân, tuổi trẻ của con người. Bởi thế, lứa đôi Thái

đã khuyên nhau vui chơi để tuổi xuân trôi qua không uổng phí, kéo hoa héo tàn rồi chẳng bướm ong nào buồn đau, cũng như con người đi qua tuổi xuân rồi chẳng thể vui chơi chốn sân tình được nữa. Họ thường ví thời gian tuổi trẻ đầy sức sống vui tươi với đời hoa sen, kiếp hoa ban, đời hoa sung, thời hoa mạ, với hoa bưởi, hoa vông đang nở,...

*Ún hươn căn ời... xoong háu pì cấp noọng còi lìn au chỗ **bók bua** cón nớ noọng là ái á.../ Ún hươn căn á... xoong háu pì noọng còi lìn au chỗ **bók ban** cón pánh căn á.../ Pánh căn á... xoong háu pì noọng còi lìn au pan **bók đũa** cón pánh căn ời... (Anh và em hãy vui chơi cho thỏa đời hoa sen em nhé/ Hai ta hãy vui chơi cho thỏa kiếp hoa ban/ Hai ta hãy vui chơi cho trọn đời hoa sung em yêu ạ)* [9, tr.253, 378].

Nam nữ thanh niên Tày lượn mời đầu cuộc hát cũng dùng lý lẽ hoa có thì giống như tuổi trẻ là hữu hạn để rủ nhau vui hội, cùng lượn lên những câu tình tứ: *Va nớ mừ mùa va nhằng khướ/ Càn rà pây lìn slắc slí hâu* (Hoa nở có thì hoa còn lại/ Người mình vui hội thời thanh niên) [5, tr.333, 455].

Nhu thế, căn cứ vào đặc điểm mỗi hoa mỗi mùa và chu trình hé nụ - rực rỡ - héo tàn của một bông hoa mà dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái đã sử dụng biểu tượng hoa với hướng nghĩa chỉ thời gian các mùa trong năm và thời gian tuổi trẻ của đời người.

3.6. Hoa - biểu trưng cho người mẹ

Trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, chúng tôi tìm thấy biểu tượng hoa với hướng nghĩa là tượng trưng cho việc sinh ra con người:

- Tày: *Bươn slí **nậu bjoóc** ve piết lạ/ Cụng pền cần đạo là văn xưa (Tháng tư bông dâm bụi đẹp xinh/ Cũng là người trần gian thuở trước)* [6, tr.152, 465].

- Thái: *Ún hươn căn ơi... khum haur thiên pì lúng táng **cầu ba** mường cún puồn dan tỉnh tười ná noọng pánh ái á... (Anh xuống theo đường cầu hoa mà sao đời buồn tui)* [9, tr.324, 326].

Nghĩa biểu trưng của hoa như trên có liên quan đến tín ngưỡng hoa khá phổ biến của người Tày, Thái. Hoa vốn là cơ quan sinh dục của thực vật. Thời nguyên thủy, con người sống bằng nghề săn bắt và hái lượm. Trong quá trình đó, họ đã bị màu sắc, hình dáng và ý nghĩa của hoa thu hút. Hình dáng của hoa gợi liên tưởng tới sinh thực khí nữ. Đặc biệt, đời sống mang tính sinh tồn đã khiến họ nhận thức được vai trò quan trọng của hoa đối với việc sinh sôi, nảy nở của cây cối. Hoa tàn rồi nở, chu trình đơm hoa kết trái khiến cây cối được sinh sôi. Điều đó phù hợp với nguyện vọng sinh sôi nảy nở của người dân nên hoa đi vào tín ngưỡng phồn thực của cư dân cổ xưa, gắn liền với việc sinh đẻ. Bông hoa có khả năng sinh dục bền bỉ vĩnh hằng đã dẫn đến tín ngưỡng lấy mẹ hoa làm trung tâm với ý nghĩa hoa sinh ra con người.

Tác giả Vũ Anh Tuấn khi khảo sát một bản kể thuộc kiểu truyện Tấm Cám trong bài viết “*Một số vấn đề lịch sử, văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Bắc*” có nói đến tình tiết cô gái hóa thân làm bông hoa, hoa được chọn để gửi hồn nàng Tấm cho lần chết đầu tiên. Theo tác giả, “phải chăng sự lựa chọn này mới đem lại chất Tày đích thực mà khởi phát của nó vốn có cội nguồn từ một huyền thoại suy nguyên. Người Tày cổ quan niệm có một đáng chí tôn vô thượng là mẹ hoa. Mọi cuộc đời trên thế gian này đều tùy thuộc ý chí mẹ hoa định đoạt... Quan niệm Tày còn cho hoa là biểu tượng sinh sôi. Hoa tượng trưng cho cái phần được coi là tinh túy, bền vững của một con người” [11, tr.117].

Tín ngưỡng dân gian Tày quan niệm con người vốn được sinh ra từ những bông hoa trong vườn của mẹ Hoa. Mẹ Hoa sinh ra, mẹ Hoa đặt lại (*Mẻ Bjoóc păn mà, Me Va păn hẩu*). Mẹ Hoa mang hoa đầu thai vào lòng người mẹ trần gian. Khi bông hoa hộ mệnh rụng là người chết trẻ, yếu mệnh, bất hạnh. Tín ngưỡng dân gian của người Thái quan niệm con người sinh ra phải đi qua cầu hoa. Đây cũng là lý do khiến biểu tượng hoa xuất hiện trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái với hướng nghĩa hoa sinh ra con người.

4. Về sự tương đồng trong việc sử dụng biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt của hai dân tộc Tày, Thái

Những sự tương đồng như trên về việc sử dụng biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái thể hiện sự gần gũi trong tâm lý, tư duy của những cư dân từng cùng chung một cơ tầng văn hóa nguyên thủy, văn hóa Bách Việt xa xưa. Ấy là tâm lý yêu hoa, coi hoa là chuẩn mực, là con người. Những đặc điểm này có ảnh hưởng đến sự chuyển hóa của biểu tượng hoa từ văn hóa dân gian vào trong dân ca trữ tình sinh hoạt. Về nguồn gốc của biểu tượng hoa, chúng tôi thấy rằng, biểu tượng hoa xuất phát từ môi trường sống, thực tại khách quan tồn tại xung quanh con người. Thực tại đó với những sự vật, hiện tượng đa dạng chính là đối tượng của sự nhận thức của con người. Nó có tác động trực tiếp vào cơ quan nhận thức của con người, quy định sự hình thành biểu tượng. Nguồn gốc của biểu tượng hoa chính là các mẫu gốc hoa, tức hoa trong thực tại khách quan và những ý niệm, sự nhận thức độc đáo, khái quát về hoa của con người. Đời sống người Tày, Thái trong thực tế gắn bó nhiều với thiên nhiên thuộc dạng sinh thái thung lũng, trong đó bao gồm các loài hoa đặc trưng như hoa phặc phiến, hoa phón, hoa vẽ,

hoa cái nương,... Gắn bó với những loài hoa ấy, người Tày, Thái yêu hoa và có nhiều liên tưởng độc đáo với nhiều mặt của đời sống con người. Những điều này đã làm sản sinh ra biểu tượng hoa trong văn hóa dân gian Tày, Thái, bao gồm biểu tượng gốc và biểu tượng phái sinh. Cụ thể, xuất phát từ mẫu gốc hoa trong tự nhiên, thông qua các bình diện văn hóa cộng đồng, mẫu gốc hoa chuyển hóa thành các biểu tượng gốc. Biểu tượng gốc hoa biểu hiện sự nhận thức sáng tạo, tổng hợp, cảm tính của con người về hoa và các hiện tượng liên quan đến hoa, mối quan hệ giữa hoa và các hiện tượng đó với thực tế khách quan phong phú, đa dạng. Theo dòng thời gian, các biểu tượng gốc này lại tiếp tục được sáng tạo lại, tái tạo thành những biểu tượng phái sinh ở từng lĩnh vực của đời sống xã hội như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lịch sử, xã hội, nghệ thuật dân gian,... Ở lĩnh vực nghệ thuật dân gian, biểu tượng hoa lại được tổ chức lại thành những nhánh nhỏ hơn ở từng bộ phận như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, vũ đạo, văn học,... và rồi nhỏ hơn, nhỏ hơn nữa ở những cấp bậc ngày càng cụ thể và thu hẹp hơn như dân ca trữ tình sinh hoạt. Như thế, biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái là một biểu tượng phái sinh, biểu hiện quá trình sáng tạo lại, tổ chức lại biểu tượng gốc hoa trong một bộ phận trữ tình dân gian dưới tác động của tâm lý, tình cảm, tư duy, tín ngưỡng,... tộc người.

Chẳng hạn, người Tày, Thái đều coi hoa có liên quan đến việc sinh ra con người. Ở thực vật nói chung, hoa chính là cơ quan sinh dục có chức năng sinh sản. Từ rất sớm, thông qua sự quan sát quá trình đơm hoa kết trái, con người đã nhận ra được vai trò của hoa trong quá trình sinh sôi, nảy nở của thực vật. Họ thấy rằng hình dáng của hoa giống với sinh thực khí của nữ giới. Từ

hình dáng, vai trò của hoa, kết hợp với nguyện vọng sinh sôi của người dân, hoa đã trở thành một biểu tượng trong tín ngưỡng phồn thực của con người từ thời nguyên thủy. Người Thái tin rằng con người sinh ra phải đi qua đường cầu hoa. Người Tày lại coi hoa chính là người, người chính là hoa. Tác giả Đường Tiểu Thi trong một công trình nghiên cứu có cho rằng người Choang - những người đồng tộc với người Tày, Thái cổ - tin rằng có mẹ Hoa quản lý vườn hoa. Bà đưa hoa đến nhà nào, nhà nấy sẽ có con. Hoa đỏ, hoa vàng là con trai; hoa trắng, hoa bạc là con gái. Khi hoa hộ mệnh bị bệnh thì con người dưới trần cũng sẽ ốm đau. Mẹ Hoa trồng hai bông hoa hộ mệnh ở cùng một chỗ thì dưới trần nam nữ sẽ kết duyên vợ chồng. Con người sau khi chết lại trở về làm hoa trong vườn hoa của mẹ Hoa. Vì thế, mẹ Hoa là vị thần tối cao cai quản việc sinh đẻ và nhân duyên của con người. Thần thoại của người Choang cũng kể về hoa trong mối liên quan với tín ngưỡng phồn thực rằng tổ mẫu Lục Giáp của họ đi ra từ bông hoa [10, tr.179-181]. Tác giả Vũ Anh Tuấn cũng ghi nhận rằng: “Người Tày cổ quan niệm có một đấng chí tôn vô thượng là mẹ Hoa. Mọi cuộc đời trên thế gian này đều tùy thuộc ý chí mẹ... Quan niệm Tày còn cho hoa là biểu tượng sự sinh sôi. Hoa tượng trưng cho cái phần được coi là tinh túy, bền vững của một con người” [11, tr.117]. Ý nghĩa của biểu tượng hoa phái sinh ở phương diện tín ngưỡng như này sẽ đi vào dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái, tạo thành một hướng nghĩa cho biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt. Như thế, biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái là một trong những bình diện phái sinh của biểu tượng gốc hoa.

Bên cạnh đó, sự chuyển hóa của biểu tượng hoa từ văn hóa dân gian đến dân ca trữ

tình sinh hoạt Tày, Thái là quá trình mã hóa các ý niệm bằng các ký hiệu ngôn ngữ. Các ký hiệu ngôn ngữ này không đơn thuần là để gọi tên biểu tượng hoa mà còn là những ký hiệu ngôn ngữ nghệ thuật đặc biệt để hướng tới những sự vật không phải là nó (trong thực tế khách quan) mà là một sự vật, hiện tượng, ý niệm rộng lớn, khái quát hơn nhiều trong môi trường văn hóa tộc người. Sự chuyển hóa này được biểu hiện qua sự thống nhất giữa phương diện miêu tả và phương diện ý nghĩa. Khi chuyển hóa từ văn hóa dân gian vào dân ca trữ tình sinh hoạt, biểu tượng hoa sẽ chịu ảnh hưởng của các đặc điểm ngôn ngữ, thể loại dân ca, khiến cho biểu tượng hoa mang các hướng nghĩa phong phú và gắn liền với tư duy, tình cảm của tộc người.

5. Kết luận

Dân ca trữ tình sinh hoạt là bộ phận tiêu biểu và phong phú của kho tàng dân ca Tày, Thái mà việc sử dụng biểu tượng có sự gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hóa của hai dân tộc. Hai tộc người đều sử dụng biểu tượng hoa trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái của mình với các hướng nghĩa tương đồng: biểu trưng cho vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ; cho tình yêu; cho đạo đức, phẩm chất của con người; cho thân phận con người; cho thời gian; cho bà mẹ với thiên chức sinh ra con người. Những điểm tương đồng trong việc sử dụng biểu tượng hoa của dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái sẽ góp phần vào việc tích hợp các giá trị văn hóa tộc người vào bức tranh văn hóa Việt Nam thống nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phương Bằng (sưu tầm, phiên âm chữ Nôm và dịch), *Phong Sự*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [2] Hoàng Văn Chữ, Nông Phúc Tước, Hoàng Nùng (sưu tầm, biên dịch), *Iếu - Dân ca dân tộc Tày*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [3] Nguyễn Văn Hòa (sưu tầm, biên dịch), *Truyện cổ và dân ca Thái vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2001.
- [4] Nhiều tác giả, *Rọi (Vốn cổ văn học dân tộc Tày - Nùng)*, Nxb. Dân tộc Việt Bắc, 1970.
- [5] Nhiều tác giả, *Lượn Tày: Lượn Tày Lạng Sơn, lượn sương*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [6] Lục Văn Páo (sưu tầm, phiên âm, dịch), *Lượn cọi*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1994.
- [7] Hà Mạnh Phong, Đỗ Thị Tắc (sưu tầm, biên dịch), *Dân ca Thái Lai Châu, Quyển 2 - Thơ và dân ca tình yêu của người Thái Mường So*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lai Châu, Hà Nội, 2012.
- [8] Dương Văn Sách, Dương Thị Đào (sưu tầm), *Lượn rọi - Hát đối đáp của người Tày*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016.
- [9] Đỗ Thị Tắc (sưu tầm và dịch), *Dân ca Thái Lai Châu, Quyển 1 - Chiêng xoong mớ bók (Mùa xuân mùa hoa)*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [10] Đường Tiểu Thi, *So sánh kiểu truyện cô Lọ Lem của một số dân tộc miền nam Trung Quốc với kiểu truyện Tấm Cám của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011.
- [11] Vũ Anh Tuấn, “Tự sự học với vấn đề nghiên cứu đặc sắc tự sự dân gian Tày qua việc khảo sát liên văn bản motif truyện kể Tày dạng Tấm Cám”, *Tự sự học - Một số vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb. Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.185-198, 2003.
- [12] Vũ Anh Tuấn (Chủ biên), *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2015.
- [13] V. IA. Propp (Chu Xuân Diên, Phạm Lan Hương, Nguyễn Kim Loan, Phạm Bích Ngọc, Trần Minh Tâm, Đỗ Đức Thịnh, Đỗ Lai Thúy, Phan Ngọc dịch), *Tuyển tập V. IA. Propp (tập 1)*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2003.